

# **CÁC BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ TỰ HỌC CHO SINH VIÊN TRONG MÔ HÌNH ĐÀO TẠO TÍN CHỈ CỦA KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT – ĐH HUẾ**

**Nguyễn Đình Duy Nghĩa, Phan Thanh Hùng, Trần Phúc  
Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế**

## **TÓM TẮT**

Tự học là vấn đề quan trọng và cần thiết đối với sinh viên hiện nay. Một số sinh viên còn chưa ý thức cũng như chưa xác định rõ ràng con đường đi của mình, chưa có một phương pháp học tập hợp lý, trong khi yêu cầu về tính chủ động trong học tập là rất cao. Để nắm bắt toàn diện những kiến thức chuyên môn ở bậc đại học đòi hỏi sinh viên phải có nhiều nỗ lực trong hoạt động học tập, đặc biệt phải dành nhiều thời gian cho việc tự học và tự nghiên cứu, cần có một phương pháp học tập đúng đắn, phù hợp và hiệu quả. Qua nghiên cứu, chúng tôi đề xuất 03 nhóm biện pháp để lựa chọn giáo dục thái độ tích cực cho sinh viên. Kết quả thực nghiệm cho thấy sau khi thực hiện các nhóm biện pháp đã có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực.

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Mô hình đào tạo theo hệ thống tín chỉ là một mô hình còn khá mới mẻ với Việt Nam. Trước mắt, nó đang là một thách thức lớn đòi hỏi các trường Đại học Việt Nam nói chung và Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế nói riêng phải vượt qua, thách thức trước hết ở yêu cầu ngày càng cao của xã hội, sức ỳ của thói quen, trong khi các phương tiện và thiết bị hỗ trợ học tập còn hạn chế.

Trong nhà trường bản chất của sự học là tự học, cốt lõi của dạy học là dạy việc học, kết quả của người học tỉ lệ thuận với năng lực tự học của người học. Ngoài việc nâng cao kết quả học tập, tự học còn tạo điều kiện hình thành và rèn luyện khả năng hoạt động độc lập, sáng tạo của mỗi cá nhân, trên cơ sở đó tạo điều kiện và cơ hội học tập suốt đời. Mục tiêu quan trọng nhất của nhà trường không phải trang bị cho người học tri thức mà là phương pháp tự học. Thực tế hiện nay, hoạt động tự học của sinh viên Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế vẫn còn nhiều hạn chế, nhiều sinh viên chưa dành nhiều thời gian cho việc tự học, chưa xây dựng và rèn luyện kỹ năng tự học cho bản thân... Chính vì vậy, việc nghiên cứu vấn đề tự học của sinh viên Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế là cần thiết nhằm đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao kết quả học tập và chất lượng đào tạo.

## **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Xác định mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu là khảo sát thực trạng vấn đề tự học của sinh viên Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế hiện nay và khả năng thích ứng với yêu cầu tự học trong đào tạo theo học chế tín chỉ từ đó xây dựng được phương pháp tự học hiệu quả cho sinh viên trong mô hình đào tạo theo tín chỉ. Để giải quyết các nhiệm vụ và đạt được mục tiêu trên chúng tôi đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích

và tổng hợp các tài liệu; Phương pháp phỏng vấn toạ đàm; Phương pháp quan sát sư phạm; Phương pháp thực nghiệm sư phạm; Phương pháp toán học thống kê.

## **NỘI DUNG**

### **1. CƠ SỞ LÝ LUẬN**

#### **1.1. Khái niệm tự học**

Hiện nay, có nhiều định nghĩa khác nhau về khái niệm tự học. Một số định nghĩa cụ thể như:

Henri Holec: Tự học là khả năng tự lo cho việc học của chính mình.

David Little: Tự học là vấn đề về mối tương quan tâm lý của người học với quá trình và nội dung học.

Leslie Dickinson: Tự học là tình huống trong đó người học hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi quyết định liên quan đến việc học và thực hiện những quyết định đó

Phil Benson: Tự học là sự nhận thức về quyền của người học trong hệ thống giáo dục.

Để có thống nhất trong quá trình nghiên cứu chúng tôi hiểu tự học như sau: Tự học là tự mình động não suy nghĩ, sử dụng các khả năng trí tuệ (quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp,...) và có khi cả cơ bắp (sử dụng các công cụ thực hành), cùng các phẩm chất của cá nhân như: động cơ, tình cảm, nhân sinh quan, thế giới quan (trung thực, không ngại khó, có ý trí, kiên trì, nhẫn nại, lòng say mê khoa học, ...) để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của riêng mình.

#### **1.2. Đặc điểm của hoạt động tự học trong phương thức đào tạo tín chỉ**

Hoạt động tự học của sinh viên là một hoạt động không thể thiếu và đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình học tập ở bậc đại học. Tuy nhiên, trong các phương thức đào tạo khác nhau, hoạt động này lại có những nét đặc thù riêng.

Trước hết, trong phương thức đào tạo theo tín chỉ sinh viên có nhiệm vụ và quyền được lựa chọn môn học, thời gian học, tiến trình học tập nhanh, chậm phù hợp với điều kiện của mình. Phương thức này tạo cho sinh viên năng lực chủ động trong việc lập kế hoạch học tập khoa học, xác định thời gian, phương tiện, biện pháp để thực hiện các mục tiêu đề ra trong kế hoạch học tập đó. Khi đó người sinh viên phải ý thức xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu sao cho quá trình học tập hiệu quả nhất.

Thứ hai, hình thức tổ chức dạy học trong phương thức tín chỉ qui định hoạt động tự học của sinh viên như là một thành phần bắt buộc trong thời khóa biểu và là một nội dung quan trọng của đánh giá kết quả học tập. Hoạt động dạy - học theo tín chỉ được tổ chức theo ba hình thức: lên lớp, thực hành và tự học. Để học được 1 giờ lý thuyết hay 2 giờ thực hành, thực tập trên lớp sinh viên cần phải có 2 hay 1 giờ chuẩn bị ở nhà. Đó là yêu

cầu bắt buộc trong cơ cấu giờ học của sinh viên.

Thứ ba, nội dung một bài giảng trong hệ thống tín chỉ thường gồm 3 thành phần chính:

- Phần nội dung bắt buộc phải biết (N1) được giảng trực tiếp trên lớp.
- Phần nội dung nên biết (N2) có thể không được giảng trực tiếp trên lớp mà giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể sinh viên tự học, tự nghiên cứu ở ngoài lớp.
- Phần nội dung có thể biết (N3) dành riêng cho tự học, chuẩn bị bài, làm bài tập, thảo luận nhóm, làm thí nghiệm... và các hoạt động khác có liên quan đến môn học.

Như vậy, kiến thức của mỗi môn học được phát triển thông qua những tìm tòi của người học dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của giảng viên. Nếu sinh viên không tự học thì họ mới chỉ lĩnh hội được 1/3 khối lượng kiến thức của môn học và như vậy đồng nghĩa với việc họ không đạt được yêu cầu của môn học đó. Trên cơ sở động cơ và thái độ học tập đúng đắn, tích cực người học cần lập kế hoạch học tập và xác định/áp dụng được những phương pháp học tập hiệu quả.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Thực trạng tự học của sinh viên Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế

#### 1.1. Thời gian học tập

Học tập ở bậc đại học yêu cầu người học nâng cao tính tự giác trong học tập. Người học cần biết phân bổ, sắp xếp thời gian học tập tối thiểu đảm bảo đủ cho từng môn học. Để có những nhận định khách quan có cơ sở, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 48 sinh viên về thời gian tự học, tự nghiên cứu kết quả như sau:

Bảng 1.1. Kết quả khảo sát thời gian tự học của sinh viên (n=48)

Thời gian dành cho tự học hàng ngày ở nhà	Số lượng chọn	Tỷ lệ
Không học bài, không đọc sách, giáo trình... chỉ đọc sách, giáo trình khi gần đến ngày thi kết thúc học phần.	12/48	25%
Học: 1-2g mỗi ngày	23/48	47.91%
Học: 3-4g mỗi ngày	5/48	10.41%
Học: 5-6g mỗi ngày	8/48	16,68%

Qua khảo sát, có 72.91% sinh viên được khảo sát đặt mục tiêu cho môn học cuối kỳ đạt kết quả khá, giỏi nhưng thực tế thời gian học ở nhà của các bạn đưa ra chỉ từ 1-2h/ngày, thậm chí không học bài cũ, đợi đến lúc thi mới ôn. Theo tính toán của các nhà khoa học về yêu cầu của học chế tín chỉ thì thời gian 1-2h/ngày dành cho tự học

chưa thể đáp ứng được thời lượng yêu cầu của 1 môn, trong khi đó mỗi kỳ học, mỗi sinh viên học tối thiểu là 15 tín chỉ, tương đương với 4-5 môn học.

### **1. 2. Ý thức và phương pháp học tập trên lớp của sinh viên**

Nhận thức đúng đắn về vai trò của bản thân trong quá trình học tập là quyết định thái độ của bản thân trong việc học, góp phần xây dựng tương lai vững chắc. Với những sinh viên có mục tiêu rõ ràng cho từng học kỳ, cho cả khóa học sẽ có cách học khác so với những sinh viên không tự đưa ra mục tiêu phấn đấu cho bản thân. Tuy nhiên sinh viên vẫn còn giữ cho mình nếp thói quen hạn chế tương tác với giảng viên. Nhiều sinh viên vẫn thường than vãn về cách dạy của giảng viên, học trên lớp thấy buồn ngủ... Đây là hệ quả của hệ thống học tập truyền thống. Nếu người học thực sự hứng thú với môn học thì sẽ luôn tìm ra lý do để hào hứng trong các giờ học đó.

Bảng 1.2. Kết quả khảo sát mức độ tương tác với giảng viên của sinh viên

<b>Mức độ tương tác giữa bạn và giảng viên trên lớp (đặt câu hỏi về phần kiến thức chưa hiểu, giải đáp bài tập)</b>	<b>Số lượng chọn</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<b>Thường xuyên</b>	8/48	16.67%
<b>Không thường xuyên</b>	36/48	75%
<b>Không bao giờ</b>	4/48	8.33%

Điều tra về mức độ tương tác của sinh viên và giảng viên trên lớp, chỉ có 16,67% sinh viên thường xuyên tương tác với giảng viên; 75% không thường xuyên tương tác với giảng viên, thậm chí chỉ lên lớp ngồi điếm danh. Mặc dù hệ thống thông tin cũng như nguồn thông tin rất phong phú nhưng tình trạng chung hiện nay là người học không biết tham khảo từ nguồn nào. Mỗi đầu kỳ học, giảng viên nên đưa ra đề cương môn học khái quát nội dung sẽ nghiên cứu của môn học đó và chỉ rõ các phần kiến thức người học có thể tự tìm hiểu và cần tăng cường công tác kiểm tra ý thức tự học của sinh viên. Sau mỗi buổi tự học, sinh viên có thể nộp các bài thu hoạch như tiểu luận hay bài tập thực hành... Tuy nhiên hầu hết các bài kiểm tra đều làm theo thời gian “nước rút” – tức là ngày mai nộp bài thì hôm nay lên mạng tìm các bài tương tự trên kênh thông tin khổng lồ google.com, sao chép và dán vào bài của mình cho được vài trang, đủ nội dung như các bạn vẫn làm. Do đó thời gian để tìm hiểu vấn đề tự học thực sự sinh viên dành ra không nhiều, nộp bài xong là hết trách nhiệm, không nhìn thấy các phần kiến thức cần thắc mắc để thảo luận với giảng viên trên lớp. Hệ quả cuối cùng khi đi thi, nếu đề thi có rơi vào phần tự học đó mà không làm được bài sẽ lại tìm cách đồ thừa.

Bảng 1.3. Kết quả khảo sát phương pháp học của sinh viên

<b>Bạn có thường đặt ra các câu hỏi trong quá trình học tập không?</b>	<b>Số lượng chọn</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Có, tôi đặt câu hỏi khi tham gia thảo luận trên lớp hoặc trong giờ học.	8/48	16,7%
Có, tôi tự đặt câu hỏi/vấn đề khi làm bài tập hoặc đọc sách, xem TV...	9/48	18,7%
Tôi ít khi đặt câu hỏi.	25/48	52,1%
Không.	6/48	12,5%

Kết quả khảo sát cho thấy: 16,7% sinh viên tham gia đặt câu hỏi trong giờ thảo luận trên lớp; 18,7% sinh viên đặt câu hỏi khi làm bài tập, đọc sách; 52,1% sinh viên không thường xuyên đặt câu hỏi và 12,5% sinh viên không đặt câu hỏi sau giờ tự học. Từ kết quả điều tra này có thể thấy phương pháp giảng dạy và học tập 30-70 chưa thực sự hiệu quả do vẫn còn tình trạng chép bài của nhau đối với các môn được phép nộp bản in cho bài thu hoạch. Điều này đồng nghĩa với việc tăng tính ì cho sinh viên chứ không hề làm tăng tính tự giác, do không cần phải suy nghĩ nhiều.

### **1.3. Thời gian và phương pháp học ngoài giờ lên lớp.**

Mặc dù giờ tự học được bố trí rõ ràng ngay từ đầu kỳ học, nhưng phần lớn thời gian tự học đó được sử dụng vào mục đích khác như đi chơi, tụ tập bạn bè, ngủ,...

Vời thời gian tự học từ 1-2h/ngày của phần lớn sinh viên thì không thể đủ đảm bảo cho khối lượng kiến thức cần tự tìm hiểu của môn học. Đặc biệt một số môn học có thực hiện chia nhóm thảo luận để rèn luyện khả năng làm việc đồng đội và nâng cao khả năng thuyết trình cho sinh viên đòi hỏi thời gian nhiều hơn mới có thể đảm bảo. Tuy nhiên với các môn học áp dụng làm bài tập thuyết trình trên phần mềm Microsoft Office Powerpoint lại bộc lộ nhiều hạn chế. Mỗi nhóm thường vừa làm bài trình chiếu, vừa làm bản word nộp để làm minh chứng cho kết quả tự học thì việc phân chia công việc cụ thể cho từng cá nhân là rất cần thiết.

Bảng 1.5. Kết quả khảo sát việc chuẩn bị bài của sinh viên

<b>Bạn có thường xuyên chuẩn bị bài trước khi đến lớp?</b>	<b>Số lượng chọn</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Có	10/48	20,83%
Không thường xuyên	30/48	62,5%

Gần như không bao giờ	8/48	16,67%
-----------------------	------	--------

Để học tập có hiệu quả đòi hỏi người học chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Chuẩn bị bài chỉ đơn giản là đọc trước giáo trình, tóm tắt bài giảng của giảng viên, liệt kê các phần kiến thức chưa hiểu để có thể hỏi trực tiếp giảng viên trên lớp hoặc đưa ra thảo luận cùng bạn bè. Chỉ có 20,83% sinh viên có thói quen chuẩn bị bài trước khi đến lớp trong khi 62,5% sinh viên không thường xuyên chuẩn bị bài trước khi đến lớp và 16,67% sinh viên gần như không bao giờ chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

Qua nghiên cứu, nhóm nghiên cứu nhận thấy việc tự học của sinh viên Khoa Giáo dục thể chất có những điểm hạn chế sau: sinh viên này thường không quan tâm đến thời khóa biểu hay giảng viên mà ưu tiên hàng đầu của họ là thời gian nghỉ. Thời gian trống này sinh viên rất ít khi tận dụng để học bài mà thường được sử dụng để chơi điện tử, tụ tập bạn bè hoặc đi làm thêm. Hệ quả kéo theo có thể thấy rõ nhất là sinh viên ngày càng rời rạc với các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội bởi tâm lý “ngại”. Chính vì vậy có thể thấy trong năm học vừa qua, rất khó để vận động, kêu gọi được sinh viên tham gia các hoạt động. Mục tiêu ban đầu của học chế tín chỉ là yêu cầu tính tự giác và khả năng tự học của sinh viên. Nhưng thiết nghĩ sinh viên Khoa Giáo dục thể chất cần có thêm thời gian để thích nghi với phương pháp này và có thể tìm ra được phương pháp học tốt nhất.

Phương pháp học và thời gian học chưa hợp lý: Phần lớn sinh viên chưa tìm ra phương pháp học cũng như sắp xếp thời gian học hợp lý. Học tập ở bậc đại học đánh giá cao tính tự học của sinh viên, do đó sinh viên cần chủ động lựa chọn phương pháp học phù hợp cũng như bố trí thời gian học phù hợp. Mỗi sinh viên cần tăng cường trao đổi với giảng viên hơn nữa, bố trí thời gian tự học đáp ứng đủ yêu cầu đối với khối lượng môn học trong kỳ.

## **2. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng học tập đạt hiệu quả cao theo học chế tín chỉ đối với sinh viên Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế**

### **2.1. Các nhóm biện pháp**

Chúng tôi đề xuất 03 nhóm biện pháp để lựa chọn giáo dục thái độ tích cực cho sinh viên, tiến hành phỏng vấn 15 cán bộ quản lý, các nhà chuyên môn để lựa chọn biện pháp.

Bảng 2.1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng học tập đạt hiệu quả cao theo học chế tín chỉ (n = 15)

TT	Các biện pháp	Mức độ cần thiết		
		Rất cần	Cần	Không cần

		Số GV	Tỷ lệ %	Số GV	Tỷ lệ %	Số GV	Tỷ lệ %
1	* Nhóm biện pháp xác định mục tiêu và xây dựng kế hoạch học tập. - Xác định mục tiêu học tập đúng đắn cho người học. - Xây dựng kế hoạch học tập hợp lý, hiệu quả	13	86,66	2	13,33	0	0
		14	93,33	1	6,6	0	0
2	* Nhóm biện pháp nắm vững và áp dụng một cách linh hoạt các phương pháp học tập. - Áp dụng trên lớp - Áp dụng trong thời gian tự học	13	86.66	2	13.33	0	0
		12	79.99	2	13.2	1	6.6
3	Nhóm biện pháp về điều kiện học tập	8	53.33	6	40.00	1	6.7
4	Giải pháp khác:.....						

Trong 3 nhóm biện pháp chúng tôi đưa ra thì có 2 nhóm giải pháp được các giảng viên đánh giá là rất cần thiết trong việc giáo dục thái độ tích cực cho sinh viên khi học tập theo mô hình tín chỉ với tỷ lệ từ 73.33% đến 93.3% các nhóm biện pháp đó là:

\* Nhóm biện pháp xác định mục tiêu và xây dựng kế hoạch học tập.

- Xác định mục tiêu học tập đúng đắn cho người học.

- Xây dựng kế hoạch học tập hợp lý, hiệu quả

\* Nhóm biện pháp nắm vững và áp dụng một cách linh hoạt các phương pháp học tập.

- Áp dụng trên lớp

- Áp dụng trong thời gian tự học

Cụ thể các nhóm biện pháp như sau:

+ Xác định mục tiêu học tập đúng đắn: Trước hết, học là để giúp ích cho chính mình, để “âm vào thân”, học vì ngày mai lập nghiệp. Sau khi đã xác định được việc học cho bản thân thì tiếp đến, học chính là cho gia đình, cho người thân và cuối cùng chính là học cho xã hội, học cho lý tưởng. Những người học đối phó, học qua loa, học gian lận trong thi cử là những người tự đánh mất mình, là người chưa hề nghĩ về tương lai chính mình, phụ lòng mong mỏi của bố mẹ, người thân, nhà trường và xã hội.

+ Xây dựng kế hoạch học tập hợp lý và hiệu quả: Song song với việc đề ra mục tiêu học tập đúng đắn, người học còn phải xây dựng kế hoạch học tập một cách khoa học và phù hợp cho bản thân. Việc xây dựng kế hoạch học tập theo hình thức học chế tín chỉ bao gồm: sắp xếp thời khóa biểu, thời gian biểu, đề ra các phương pháp học tập cụ thể cho từng môn học, nhóm môn học.

+ Ứng dụng linh hoạt các phương pháp học tập tích cực: Trên lớp nghe giảng, thảo luận, ghi chép, phát biểu ý kiến, tích cực tham gia thảo luận để hiểu sâu hơn các phần kiến thức.

+ Tự học: Tổ chức hoạt động tự học một cách hợp lý, khoa học, có chất lượng, hiệu quả là trách nhiệm của giảng viên và sinh viên. Tự học của sinh viên bao gồm các hoạt động chủ yếu như: Đọc và nghiên cứu tài liệu - chuẩn bị bài trước, làm bài tập thực hành, các bài luận, làm các bài tập theo nhóm theo yêu cầu của các môn học, tự tìm tòi, nghiên cứu để mở rộng kiến thức, theo đuổi đam mê, làm các đề tài nghiên cứu khoa học. Ở đây chúng tôi gợi ý các phương pháp học SQ3R và các phương pháp khác như phương pháp phân bổ thời gian học, phương pháp thực hành xen kẽ, phương pháp làm nổi bật....

## 2.2. Kết quả thực nghiệm

Để đánh giá hiệu quả của các biện pháp đã lựa chọn, chúng tôi tiến hành tổ chức thực nghiệm trên 3 lớp sinh viên chuyên ngành với 48 sinh viên.

Kết quả 48 sinh viên sau khi thực hiện các nhóm biện pháp nêu trên đã có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, cụ thể được thể hiện qua kết quả học tập ở năm học 2017 – 2018 khi đem so sánh với kết quả năm học 2016 – 2017 đối với 2 lớp Giáo dục thể chất 13, 14 và học kỳ 1, học kỳ 2 năm học 2017 – 2018 đối với lớp Giáo dục thể chất 15, cụ thể:

Bảng 2.2. Kết quả học tập của lớp Giáo dục thể chất 13(n = 15)

Năm học Xếp loại	2016 - 2017		2017 - 2018	
	Số SV	Tỉ lệ	Số SV	Tỉ lệ
<b>Giỏi</b>	1	6,7%	4	26,7%
<b>Khá</b>	4	26,7%	10	66,6%
<b>Trung bình khá</b>	5	33,3%	0	0%
<b>Trung bình</b>	5	33,3%	0	0%
<b>Yếu</b>	0	0	1	6,7%

Bảng 2.3. Kết quả học tập của lớp Giáo dục thể chất 14 (n = 13)

Năm học Xếp loại	2016 - 2017		2017 - 2018	
	Số SV	Tỉ lệ	Số SV	Tỉ lệ
<b>Giỏi</b>	1	7,7%	3	23,1%
<b>Khá</b>	5	38,5%	6	46,2%
<b>Trung bình khá</b>	7	53,8%	4	30,7%
<b>Trung bình</b>	0	0	0	0



<b>Yêu</b>	0	0	0	0
------------	---	---	---	---

Bảng 2.4. Kết quả học tập của lớp Giáo dục thể chất 15 (n = 20)  
chỉ làm trong năm học 2017 – 2018

Học kỳ Xếp loại	Học kỳ 1		Học kỳ 2	
	Số SV	Tỉ lệ	Số SV	Tỉ lệ
<b>Giỏi</b>	3	15%	4	20%
<b>Khá</b>	7	35%	12	60%
<b>Trung bình khá</b>	6	30%	2	10%
<b>Trung bình</b>	3	15%	1	5%
<b>Yếu</b>	1	5%	1	5%

Kết quả thống kê trên, cho thấy số sinh viên có kết quả học tập của năm học 2017 – 2018 cao hơn năm học 2016 - 2017 đối với sinh viên K13, K14 và học kỳ 2 cao hơn học kỳ 1 của K15 với tổng số 40/48 sinh viên có kết quả học tập tăng (có tỉ lệ 83,33) và chỉ có 08/48 sinh viên có kết quả giảm (có tỉ lệ 16,67%).

## KẾT LUẬN

Việc áp dụng các biện pháp trên đã mang lại hiệu quả tích cực cho việc học tập của sinh viên chuyên ngành Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế trong học chế tín chỉ. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy các biện pháp chúng tôi lựa chọn để sinh viên nâng cao hiệu quả tự học trong mô hình đào tạo tín chỉ ở Khoa Giáo dục thể chất – Đại học Huế là khá phù hợp và có tác dụng tích cực đến kết quả học tập của sinh viên.

Sinh viên cần hiểu rõ bản chất của học chế tín chỉ để có thể tận dụng một cách triệt để nhất những lợi thế như tốt nghiệp sớm, tốt nghiệp cùng lúc hai chương trình đào tạo... Việc học tín chỉ đồng nghĩa với việc tăng tính chủ động của bản thân, phải chịu khó hỏi kinh nghiệm, tạo tính chủ động trong học tập và nghiên cứu.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Quốc Bảo - Nguyễn Đắc Hưng (2004), *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai. Vấn đề và giải pháp*, Nxb Chính trị Quốc Gia.
2. Nguyễn Ngọc Bảo (1993), *Phát huy tính tích cực, tính tự học của học sinh trong quá trình dạy học, tài liệu bồi dưỡng thường xuyên, chu kì 1993 – 1996 cho giáo viên phổ thông trung học*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.

3. Lê Khánh Bằng (1993), *Tổ chức quá trình dạy học đại học*, Nxb Viện nghiên cứu đại học và giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.
4. Đại học Huế, Quyết định 900/QĐ-ĐHH, Quyết định ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế.
5. Nguyễn Thị Phương Hoa (2008), *Lý luận dạy học đại học*, Đại học Sư phạm Hà Nội, Tài liệu dùng cho lớp bồi dưỡng giảng viên, Lưu hành nội bộ.
6. I.F.Kharlamốp (1978), *Phát huy tính tích cực của học sinh như thế nào* (Nguyễn Ngọc Quang dịch), Nxb Giáo dục, 1978.
7. Nguyễn Kỳ (1996), *Mô hình dạy học tích cực lấy người học làm trung tâm*, Trường Cán bộ quản lý Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, 1996, Lưu hành nội bộ.
8. Đào Thị Cẩm Nhung (1999), *Những biện pháp phát huy tính tích cực nhận thức của sinh viên*, Luận văn thạc sĩ Khoa học Giáo dục.
9. V.Ocôn (1968), *Những cơ sở của dạy học nêu vấn đề*, Nxb Giáo dục.
10. M.M. Rôzentan và P.Iudin (chủ biên, 1976), *Từ điển Triết học*, NXB Sự thật, Hà Nội.
11. Lê Quang Sơn (2007), *Đổi mới phương pháp dạy học trong các trường đại học, cao đẳng*, Tài liệu dùng cho lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm giảng viên, Đại học Đà Nẵng, Lưu hành nội bộ.
12. M.N. Xcatkim (1965), *Tích cực hóa hoạt động nhận thức của học sinh trong dạy học*, Nxb Giáo dục.
13. Nguyễn Cảnh Toàn (1995), *luận bàn và kinh nghiệm về tự học*